

Dữ liệu thị trường ngày 16/04/2026

Tổng quan	VN-Index	HNX-Index
-----------	----------	-----------

Chỉ số	1.819,83	256,49
Thay đổi (điểm)	19,18	3,77
Thay đổi (%)	1,07	1,49
KLGD (triệu cp)	1.001	68
GTGD (tỷ đồng)	27.935	1.266

NĐT nước ngoài giao dịch ròng

HOSE	-1.154	(tỷ đồng)
HNX	23	(tỷ đồng)
UPCOM	1	(tỷ đồng)

VN-Index



Top cổ phiếu ảnh hưởng VNINDEX

Ảnh hưởng tích cực:

VIC, VHM, VPL, VPB, MWG, ...

Ảnh hưởng tiêu cực:

VCB, CTG, GVR, GEE, VCK, ...

## NHÓM VINGROUP KÉO VNINDEX VƯỢT 1800 ĐIỂM DÙ LỰC BÁN XUẤT HIỆN Ở NHIỀU CỔ PHIẾU

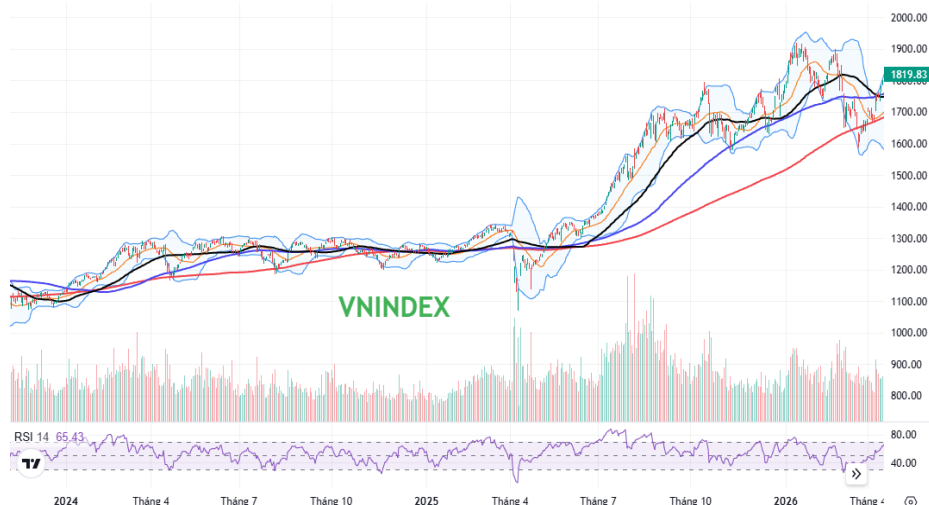
### Chuyển động thị trường và dự báo:

Kết thúc phiên giao dịch ngày 16/04, VN-Index tăng 19,18 điểm (+1,07%) lên 1.819,83 điểm. Dù chỉ số bứt phá mạnh, diễn biến các mã lại cho thấy sự "lệch nhịp" rõ rệt khi 409 mã giảm áp đảo 276 mã tăng, cho thấy dòng tiền đang dần thoát ra và dồn vào một số cổ phiếu vốn hóa lớn thay vì lan tỏa rộng khắp thị trường. Động lực tăng điểm gần như tập trung vào các mã cổ phiếu thuộc họ Vingroup khi cổ phiếu VIC tăng trần và một mình đóng góp tới 21,46 điểm vào chỉ số, kéo theo VHM (+4,45%) và VRE (+1,02%) bứt phá, qua đó giúp nhóm bất động sản tăng vọt 5,04% và trở thành trụ đỡ chính của thị trường. Bên cạnh đó, nhóm tiêu dùng không thiết yếu và tiện ích cũng ghi nhận mức tăng lần lượt 1,33% và 0,09%, với sự đóng góp của MWG (+1,63%), VPL (+2,5%) và POW (+2,3%), góp phần củng cố đà tăng của chỉ số. Ở chiều ngược lại, áp lực điều chỉnh xuất hiện trên diện rộng khi có tới 7 nhóm ngành giảm điểm, trong đó dịch vụ truyền thông giảm sâu nhất 2,16% với các mã VGI (-2,63%), FOX (-1,35%) và CTR (-0,23%). Nhóm tài chính tiếp tục phân hóa khi lực cầu duy trì tại VPB (+0,91%), SSI (+0,52%), TCB (+0,16%) nhưng áp lực bán tại CTG (-1,28%), MBB (-1,13%) và TCX (-1,92%) khiến toàn ngành giảm 0,65%.

Thanh khoản thị trường đạt 27.935 tỷ đồng, giảm nhẹ 1,18% so với phiên trước, cho thấy dòng tiền chưa có sự bứt phá rõ rệt. Khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh 1.130 tỷ đồng, tập trung tại FPT (524 tỷ) và VHM (463 tỷ). Ngược lại, nhà đầu tư nước ngoài giải ngân mạnh tại VIC (465 tỷ) và SSI (235 tỷ), nâng tổng giá trị mua lên 3.045 tỷ đồng.

Diễn biến phân hóa ngày càng rõ nét về cuối tuần cho thấy áp lực chốt lời có thể xuất hiện trong các phiên tới, đặc biệt tại nhóm đã tăng mạnh. Tuy nhiên, sự luân chuyển của dòng tiền cũng mở ra cơ hội ở những cổ phiếu chưa tăng nhiều, với điều kiện vẫn duy trì được nền tảng cơ bản và thu hút được dòng tiền. Trong bối cảnh đó, nhà đầu tư ưu tiên tập trung vào những cổ phiếu có nền tảng tốt và còn dư địa tăng trưởng.

### CỔ PHIẾU QUAN TÂM: VCB, KDH, VPL, VJC, HHV, CTD, HPG.



### Danh sách khuyến nghị tháng 04.2026

Mã cổ phiếu	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ
MWG	88.000	74.000
CTG	37.000	32.000
GMD	81.000	67.500
MSN	85.000	70.500
VPB	29.500	24.300
KDH	28.500	23.500
MBB	28.500	24.500

Danh sách công bố ngày 07/04/2026, VikkibankS.vn

## DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THÁNG 04.2026 (\*):

Mã	Thông tin	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa tại ngày khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Tỷ suất sinh lời kỳ vọng
<b>MWG</b>	- Trong 2 tháng đầu năm 2026, doanh thu 32.204 tỷ đồng, tăng trưởng 31% so với cùng kỳ (YoY). Điện Máy Xanh (ĐMX, TGDD, Topzone, Erablue, thợ ĐMX) đạt 22,8 nghìn tỷ doanh thu, tăng 35% YoY, các ngành hàng công nghệ và điện máy đều tăng trưởng mạnh, EraBlue tăng 96% so với cùng kỳ. Bách Hóa Xanh doanh thu 8,8 nghìn tỷ trong 2T2026, +24% YoY.	07/04/2026	78.000	88.000	74.000	<b>12,8%</b>
<b>CTG</b>	- CTG đặt kế hoạch 2026: Tăng trưởng tổng tài sản 5-10%, tín dụng tăng 11% (theo hạn mức NHNN), kỳ vọng được cấp thêm hạn mức đạt 15% như năm 2025, kiểm soát nợ xấu dưới 1,8%. Mục tiêu thu hồi 10.000 tỷ nợ xấu. Dự kiến chia cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn lợi nhuận 2025, nếu cộng dồn các năm 2023 và 2024, tổng vốn CTG có thể >100k tỷ	07/04/2026	33.700	37.000	32.000	<b>9,8%</b>
<b>GMD</b>	- GMD đặt kế hoạch 2026: LNTT 2.800 tỷ đồng, +12% YoY. Cổ tức 20-22% bằng tiền mặt, và cổ tức bằng cổ phiếu 2:1, tăng vốn điều lệ lên mức 6,5 nghìn tỷ. Duy trì tăng trưởng kép 2026-2030 đạt mức 20%/năm. Sản lượng quý 1 Gemalink ước đạt 526.000 TEU, +20% YoY và Nam Đình Vũ ước đạt 357.000 TEU đi ngang so với Q1.2025	07/04/2026	71.900	81.000	67.500	<b>12,7%</b>
<b>MSN</b>	- MSN đặt kế hoạch 2026: Doanh thu 93.500-98.000 tỷ đồng (+15-20% YoY), LNST 7.250-7.900 tỷ đồng (+7-17% YoY), ESOP 1% tương đương 14,5 triệu cp. Triển vọng đến từ mảng tiêu dùng, khoáng sản, và chuỗi siêu thị.	07/04/2026	75.100	85.000	70.500	<b>13,2%</b>
<b>VPB</b>	- Năm 2026, mục tiêu tăng trưởng tín dụng 35%, giảm tín dụng BĐS (dưới 23%). Ngân hàng mẹ đặt mục tiêu nợ xấu dưới 2,5% so với 2,03% năm 2025. Mục tiêu 2026, lợi nhuận VPBankS đạt 6.453 tỷ đồng (+ 44% yoy); OPES 936 tỷ (+47% yoy); FE Credit 1.179 tỷ (+93% yoy), LN hợp nhất VPBank 41.323 tỷ đồng, +35%yoy. Tăng vốn điều lệ lên tối đa 100.000 tỷ đồng.	07/04/2026	26.050	29.500	24.300	<b>13,2%</b>
<b>KDH</b>	- KDH đặt kế hoạch 2026: Doanh thu 4.200 tỷ đồng (-10,1% YoY) và LNST 1.500 tỷ đồng (+43,5% YoY). Trọng tâm ghi nhận doanh thu từ dự án Gladia, dự kiến mở bán Gladia phân khu cao tầng 2026 vào Q3.	07/04/2026	25.000	28.500	23.500	<b>14,0%</b>
<b>MBB</b>	- MBB đặt kế hoạch 2026: LNTT tăng 15% so với 2025. Tăng tỷ trọng mảng bán lẻ, cùng với đó là mảng sản xuất và mở rộng phân khúc khách hàng FDI. Tăng vốn để đảm bảo CAR trên 9%, đáp ứng Basel III. Tín dụng 2026 mục tiêu tăng 30% yoy, huy động tăng 30% và tổng tài sản tăng 28% yoy, nợ xấu dưới 1,5%. Tăng vốn tối đa 103 nghìn tỷ qua 3 phương án.	07/04/2026	25.600	28.500	24.500	<b>11,3%</b>

**(\*) Danh mục tháng 04.2026 so với tháng 03.2026, chúng tôi loại STB, VCB, HCM, trong khi thêm mới MSN, KDH, GMD, và giữ nguyên MWG, CTG, VPB, MBB.** Nhìn lại tháng 3 đầy biến động, chúng tôi đã lựa chọn nhóm ngân hàng chiếm đa số với 5/7 cổ phiếu, việc này giúp danh mục vững vàng hơn, trong khi nhóm ngân hàng đã giảm sâu tạo nên biên an toàn tốt hơn nhờ bộ đệm định giá. Kết quả tháng 3 khi Vnindex từ ngày 9/3-7/4 tăng 1,5% thì danh mục tăng 3,58%. Bước sang tháng 4, chúng tôi tiếp tục cơ cấu lại danh mục, với kỳ vọng thị trường tạo đáy cân bằng trong tháng này. Với MWG, tiếp tục là lựa chọn hàng đầu cho chiến lược dài hạn, trong ngắn hạn những câu chuyện mang lại chất xúc tác cho MWG bao gồm IPO chuỗi ĐMX và sự hoạt động hiệu quả của chuỗi này khi doanh thu/cửa hàng tiếp tục cải thiện, chuỗi EraBlue tăng trưởng mạnh, chuỗi An Khang hưởng đến lợi nhuận dương năm 2026, Bách Hóa Xanh tăng trưởng cao nhờ mở rộng sang miền Bắc và cải thiện cơ cấu ngành hàng. Trong dài hạn, việc hiện đại hóa ngành bán lẻ, tăng cường quản lý và kiểm soát hàng lậu, các chính sách liên quan đến thuế hộ kinh doanh, tạo nên môi trường kinh doanh cân bằng hơn giữa các kênh truyền thống và hiện đại, giúp cho MWG và MSN có lợi hơn. Với MSN, sau năm 2025 cơ cấu của Mảng tiêu dùng (Masan Consumer-MCH) do sự thay đổi chính sách thuế hộ kinh doanh, bước sang 2026 MCH đóng góp tăng trưởng nhiều hơn, khi lợi nhuận đã cải thiện qua từng quý gần đây, doanh thu 2T2026 của MCH tăng 15,2%; Mảng Bán lẻ (WinCommerce) doanh thu tăng 32% trong 2 tháng đầu năm, mở mới 145 cửa hàng và là kênh phân phối hỗ trợ cho MCH và Masan Meatlife; Mảng Khoáng sản (MSR) quay trở lại là trụ cột khi giá Vonfram tăng mạnh, tháng 3 gấp 4 lần giá trung bình năm 2025, và dự báo duy trì nền cao trong năm 2026 nhờ nguồn cung khan hiếm, nhu cầu cao. Với nhóm ngân hàng, chúng tôi tiếp tục ưa thích 3 ngân hàng quen thuộc là CTG, MBB, và VPB với từng câu chuyện riêng biệt, CTG là ngân hàng có tốc độ tăng trưởng cao trong nhóm ngân hàng quốc doanh, MBB và VPB đều được hưởng lợi nhờ hạn mức room tín dụng cao, MBB với tỷ lệ CASA cao nhất ngành và hệ sinh thái đa dạng, trong khi VPB với sự hỗ trợ vốn chi phí thấp từ SMBC và để ngỏ hợp tác chặt chẽ hơn giữa SMBC và VPB qua các thương vụ bán vốn trong tương lai; và cả 3 ngân hàng trên đều có kế hoạch tăng vốn điều lệ trong 2026. Với GMD, dự kiến duy trì tăng trưởng cao nhờ vị trí các cảng biển thuận lợi, dự án Gemalink giai đoạn 2 của GMD cũng là dự án sớm nhất của khu vực Cái Mép Thị Vải được đưa vào hoạt động (cuối 2027), khi mà nhu cầu đang cao hơn nguồn cung tại khu vực này, tăng phí bốc dỡ cảng biển, kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước trong quý 1 tăng 23% so với cùng kỳ, giá cổ phiếu GMD giảm trong những phiên đầu tháng 4 do áp lực từ lượng cổ phiếu ESOP. Với KDH, môi trường lãi suất cao đã kéo theo ngành bất động sản suy giảm gần đây, chúng tôi kỳ vọng sẽ sớm có các chính sách về hạ nhiệt lãi suất thời gian tới, và kéo theo tín hiệu mở bán nhiều hơn các dự án từ cuối quý 2, tương tự như năm 2025 khi cũng có nhiều đợt mở bán thời điểm này. Danh mục trên cũng là những cổ phiếu dự kiến có kết quả kinh doanh tăng trưởng trong quý 1 và cũng có nhiều cổ phiếu có tính thị trường cao như ngân hàng, hay MSN hưởng lợi từ câu chuyện nâng hạng thị trường của tháng 4. Tóm lại, căng thẳng khu vực Trung Đông là bài toán khó suy đoán, dẫn đến các chiến lược giao dịch ngắn hạn trở nên rủi ro cao do khó ước tính, nhà đầu tư cần duy trì tỷ trọng danh mục hợp lý để đảm bảo chịu được các cú sốc trong ngắn hạn. Chúng tôi kỳ vọng, sẽ có những câu trả lời rõ ràng hơn về việc mở cửa eo biển Hormuz trở lại trong tháng 4, việc gián đoạn nguồn cung dầu thô và giá dầu cao nếu tiếp tục trong thời gian dài sẽ ảnh hưởng nhiều hơn đến lạm phát, từ đó tác động sâu rộng đến nền kinh tế và tâm lý thị trường chúng khoán. **Kiên nhẫn, cẩn trọng, giữ niềm tin, vùng định giá thấp của VNindex đang dần mở ra cơ hội!**

**ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG**

**MSR:** Tại ĐHĐCĐ 2026, MSR nhấn mạnh vị thế dẫn đầu trong chuỗi giá trị vonfram với 36% thị phần kim loại chiến lược ngoài Trung Quốc và 21% thị phần vonfram toàn cầu (ngoài Trung Quốc). Giá APT tăng mạnh từ 330 USD/mtu lên hơn 3.150-3.200 USD/mtu, cao vượt xa giả định kế hoạch 1.164 USD/mtu. Độ nhạy lợi nhuận rất lớn: mỗi +100 USD/mtu giúp tăng 50 triệu USD doanh thu và 10 triệu USD lợi nhuận. Theo các kịch bản 2026, doanh thu có thể đạt 600-750 triệu USD (cơ sở), 900 triệu USD (APT: 1.500 USD) hoặc 1,4 tỷ USD (APT: 3.000 USD), tương ứng lợi nhuận 65-95 triệu USD, 120 triệu USD và 220 triệu USD. MSR kỳ vọng có thể trả hết nợ vào 2027-2028 nếu giá duy trì cao, đồng thời mở ra khả năng chia cổ tức từ 2027. Thị trường toàn cầu đang thiếu hụt lớn khi nhu cầu 96.000 tấn nhưng nguồn cung ngoài Trung Quốc chỉ 17.000 tấn, thiếu 79.000 tấn, trong khi nhu cầu dự báo tăng thêm 24.000 tấn đến 2030 nhờ AI với quy mô đầu tư 5.000-8.000 tỷ USD. MSR vận hành mỏ Núi Pháo công suất 3,2 triệu tấn quặng/năm, đầu tư 700 triệu USD, biên lợi nhuận trên 25%, và đặt mục tiêu nâng sản lượng từ 2.000 tấn lên 5.000-6.000 tấn trong 3 năm. Kế hoạch 2026 đạt 16.000-20.300 tỷ doanh thu, 1.700-2.500 tỷ lợi nhuận, quý I ước lãi 540 tỷ đồng, đồng thời dự kiến chuyển niêm yết HOSE và phát hành ESOP 11 triệu cổ phiếu (1%) giá 15.000 đồng.

**HPG:** Quý I/2026, HPG sản xuất 3,3 triệu tấn thép thô, tăng 25% so với cùng kỳ (yoy) và 8% so với quý trước; sản lượng bán hàng đạt 3 triệu tấn, tăng 26%. Trong đó, thép xây dựng và thép cuộn chất lượng cao đạt 1,4 triệu tấn (+20% yoy), giữ thị phần số 1 Việt Nam với 36%. Thép cuộn cán nóng (HRC) đạt hơn 1,4 triệu tấn (+48% yoy), tiêu thụ nội địa chiếm 80%, xuất khẩu tới 20 quốc gia. Sản phẩm hạ nguồn gồm 241.000 tấn ống thép (+30% yoy), 106.000 tấn tôn mạ (+19% yoy) và hơn 62.000 tấn thép dự ứng lực (+63% yoy). HPG hướng tới công suất 16 triệu tấn thép thô vào cuối 2026, trong đó trên 60% là thép chất lượng cao. HPG cũng đẩy nhanh dự án thép ray tại Dung Quất, đã hoàn thành 35% tiến độ sau 3 tháng, dự kiến vận hành 2027.

**VPB:** dự kiến tăng vốn điều lệ từ hơn 79.000 tỷ lên 106.243 tỷ đồng trong 2026. Giai đoạn 1 phát hành cổ phiếu thưởng >26% nâng vốn lên 100.000 tỷ (Q2-3), giai đoạn 2 phát hành riêng lẻ 624 triệu cp cho một NĐT nước ngoài (Q3-4).

**FPT:** FPT tổ chức ĐHĐCĐ 2026. Kế hoạch 2026 đặt doanh thu 58.580 tỷ và LNTT 11.629 tỷ (+15,8% và +15%), nhưng nếu so với số liệu 2025 thì giảm 16,6% doanh thu và 10,8% LNTT do thay đổi hạch toán FPT Telecom. Khối công nghệ đóng góp 52.650 tỷ doanh thu, 7.350 tỷ LNTT (+18% và +25%). Ngân sách đầu tư 2026 khoảng 7.200 tỷ, gồm 4.200 tỷ cho công nghệ và 3.000 tỷ cho giáo dục. FPT duy trì cổ tức tiền mặt tối đa 20% (2.000 đồng/cp), dự kiến phát hành 170 triệu cp thưởng (tỷ lệ 10%) trên tổng 1,7 tỷ cp lưu hành. ESOP tối đa 8,5 triệu cp (0,5%).

**MSN:** Doanh thu tháng 3 của chuỗi WinCommerce (WCM) tăng 23% so với cùng kỳ. Doanh thu quý 1 tăng trưởng 29% so với cùng kỳ. Tháng 3 mở mới 80 cửa hàng và lũy kế mở được 225 cửa hàng, tập trung ở chuỗi Winmart+. Trong 225 cửa hàng mở mới, có 190 cửa hàng được mở ở khu vực phía Bắc và không có cửa hàng nào mở mới khu vực phía Nam.

**GMD:** Gemadept đặt kế hoạch 2026 với doanh thu 6.500 tỷ và LNTT 2.800 tỷ đồng (+9% và +11%), đồng thời đặt mục tiêu cao hơn 6.800 tỷ và 3.000 tỷ. Công ty dự chi cổ tức tiền mặt 22% (2.200 đồng/cp), tổng hơn 850 tỷ. Gemadept lên kế hoạch phát hành 223 triệu cổ phiếu (gồm 6,4 triệu ESPP giá 10.000 đồng và 216,4 triệu cổ phiếu thưởng tỷ lệ 50%), nâng vốn điều lệ lên khoảng 6.493 tỷ đồng, đồng thời dự kiến đổi tên thành Tập đoàn Gemadept để phù hợp chiến lược phát triển.

**VDS:** tổ chức ĐHĐCĐ 2026. Quý I/2026 ghi nhận khoảng 200 tỷ doanh thu nhưng lỗ 30 tỷ do thị trường bất lợi, phải trích lập tự doanh. Công ty đặt mục tiêu 2026 doanh thu 1.318 tỷ (+20%), lợi nhuận sau thuế 408 tỷ (+45%). Kế hoạch tăng vốn từ 2.720 lên 4.500 tỷ thông qua phát hành tối đa 178 triệu cổ phiếu, huy động 1.444 tỷ, chủ yếu cho vay margin (80%). Chiến lược tập trung 3 trụ cột: môi giới, cho vay, đầu tư; mở rộng IB, quản lý tài sản và đầu tư công nghệ, tận dụng cơ hội nâng hạng thị trường.

## HIỆU SUẤT KHUYẾN NGHỊ DANH MỤC THÁNG 01+02+03.2026

### Danh sách khuyến nghị tháng 01.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dùng lỗ đề xuất
<b>MWG</b>	07/01/2026	89.800	09/02/2026	89.300	-0,56%	83.800–94.400	-4,23%
<b>CTG</b>	07/01/2026	37.450	09/02/2026	37.100	-0,93%	36.800–43.500	-4,41%
<b>KBC</b>	07/01/2026	35.800	09/02/2026	34.500	-3,63%	33.300–38.200	-4,19%
<b>GMD</b>	07/01/2026	62.700	09/02/2026	71.300	13,72%	61.900–75.000	-4,78%
<b>VPB</b>	07/01/2026	29.250	09/02/2026	26.750	-8,55%	26.650–31.450	-4,96%
<b>DBC</b>	07/01/2026	26.850	09/02/2026	26.750	-0,37%	25.750–29.650	-3,91%
<b>MBB</b>	07/01/2026	26.700	09/02/2026	27.600	3,37%	26.000–28.300	-4,12%
VNINDEX	07/01/2026	1.861,58	09/02/2026	1.754,82	-5,73%	1.749,87–1.918,46	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/01 - 09/02					0,43%		-4,37%

### Danh sách khuyến nghị tháng 02.2026

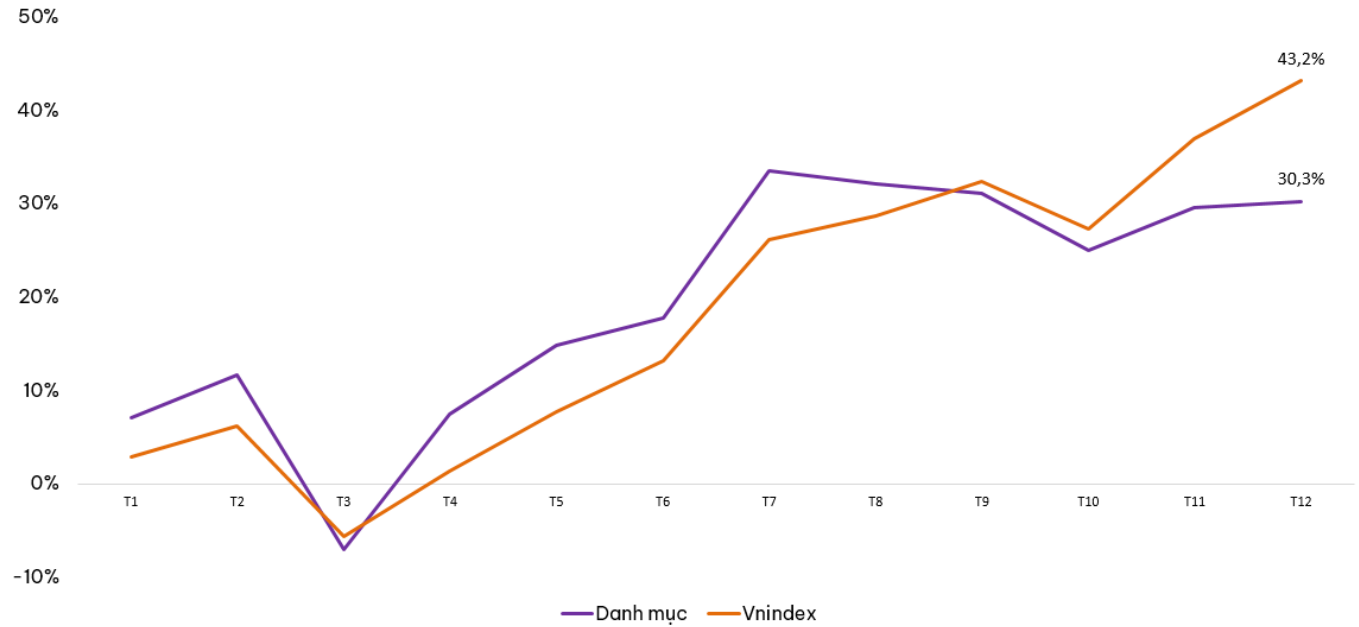
Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dùng lỗ đề xuất
<b>MWG</b>	09/02/2026	89.300	09/03/2026	77.000	-13,77%	77.000–94.300	-5,38%
<b>CTG</b>	09/02/2026	37.100	09/03/2026	33.200	-10,51%	33.200–39.100	-4,85%
<b>KBC</b>	09/02/2026	34.500	09/03/2026	29.900	-13,33%	29.900–36.350	-5,80%
<b>HCM</b>	09/02/2026	22.900	09/03/2026	21.750	-5,02%	21.750–25.750	-5,24%
<b>VPB</b>	09/02/2026	26.750	09/03/2026	24.800	-7,29%	24.800–29.500	-4,67%
<b>DBC</b>	09/02/2026	26.750	09/03/2026	22.900	-14,39%	22.900–27.550	-4,67%
<b>MBB</b>	09/02/2026	27.600	09/03/2026	24.850	-9,96%	24.850–29.500	-5,07%
VNINDEX	09/02/2026	1.754,82	09/03/2026	1.652,79	-5,81%	1.650,49–1.899,44	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/01 - 09/02					-10,61%		-5,10%

### Danh sách khuyến nghị tháng 03.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dùng lỗ đề xuất
<b>MWG</b>	09/03/2026	77.000	07/04/2026	78.000	1,30%	74.200–83.900	-7,79%
<b>CTG</b>	09/03/2026	33.200	07/04/2026	33.700	1,51%	32.000–35.750	-7,53%
<b>STB</b>	09/03/2026	60.800	07/04/2026	61.700	1,48%	58.100–69.200	-7,89%
<b>HCM</b>	09/03/2026	21.750	07/04/2026	24.250	11,49%	19.100–24.600	-7,59%
<b>VPB</b>	09/03/2026	24.800	07/04/2026	26.050	5,04%	23.900–27.350	-8,06%
<b>VCB</b>	09/03/2026	57.300	07/04/2026	58.000	1,22%	56.500–62.000	-7,33%
<b>MBB</b>	09/03/2026	24.850	07/04/2026	25.600	3,02%	24.850–27.100	-7,44%
VNINDEX	09/03/2026	1.652,79	07/04/2026	1.677,54	1,50%	1.586–1.743	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 09/03 - 07/04					3,58%		-7,66%

**HIỆU SUẤT KHUYẾN NGHỊ DANH MỤC (2025)**

Hiệu suất Danh mục & Vnindex



(2025)	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12
Danh mục	7,1%	4,6%	-18,7%	14,6%	7,3%	2,9%	15,9%	-1,4%	-1,0%	-6,1%	4,5%	0,7%
Vnindex	2,9%	3,4%	-11,9%	7,0%	6,4%	5,4%	13,0%	2,5%	3,7%	-5,1%	9,7%	6,1%

Danh mục khuyến nghị 2025, bắt đầu từ ngày 13/01/2025 và kết thúc chốt sổ tháng 12.2025 vào ngày 07/01/2026. Hiệu suất danh mục trong bảng được tính theo tháng. Tham khảo danh mục 12 tháng 2025:

[Danh sách khuyến nghị tháng 1 \(13/01\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 2 \(07/02\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 3 \(07/03\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 4 \(09/04\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 5 \(07/05\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 6 \(06/06\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 7 \(07/07\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 8 \(08/08\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 9 \(08/09\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 10 \(07/10\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 11 \(07/11\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 12 \(08/12\)](#)

## TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁO CÁO

Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) là thành viên của Ngân hàng số Vikki, hiện là một trong các định chế tài chính lớn nhất Việt Nam. VikkiBankS cũng là một thành viên chính thức của thị trường chứng khoán Việt Nam, và đang đi đầu trong một số dịch vụ tài chính có công nghệ cao. Công ty hiện có đầy đủ các nghiệp vụ chứng khoán gồm: Môi giới, Tự doanh, Tư vấn tài chính và Tư vấn đầu tư, Lưu ký chứng khoán.

## HỆ THỐNG CHI NHÁNH

### • Trụ sở chính:

Địa chỉ: 62 – 70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 5445

### • Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: 60-70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 4891

### • Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: 181 Nguyễn Lương Bằng, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3944 5175 Fax: (024) 3944 5178 – 3944 5176

## KHUYẾN CÁO

*Báo cáo này chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như nhà đầu tư cá nhân và không hàm ý đưa ra lời khuyên chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào. Các quan điểm và nhận định trình bày trong báo cáo không tính đến sự khác biệt về mục tiêu và chiến lược cụ thể của từng nhà đầu tư. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của mình. Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) tuyệt đối không chịu trách nhiệm bất kỳ thiệt hại nào liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin của báo cáo này.*

*Các quan điểm, nhận định, đánh giá trong báo cáo là quan điểm cá nhân của cá nhân người viết mà không đại diện cho quan điểm của VikkiBankS và có thể thay đổi mà không cần báo trước.*

*Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VikkiBankS thu thập từ nguồn đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, VikkiBankS không đảm bảo độ chính xác thông tin này.*

*Báo cáo này là tài sản và được giữ bản quyền bởi VikkiBankS. Không được phép sao chép, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích gì nếu không có văn bản chấp thuận của VikkiBankS. Vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.*